

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016



## GIẢI TRÌNH CHỆNH LỆCH SỐ LIỆU TÀI CHÍNH NĂM 2015 TRƯỚC VÀ SAU BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM  
Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

- Căn cứ theo Điều 11, khoản 1.6 thông tư số: 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 "Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán".
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2015 do công ty CASUMINA lập và báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.
- Công Ty CASUMINA xin giải trình chênh lệch số liệu báo cáo tài chính năm 2015 trước kiểm toán ( đã được Công ty công bố ) với số liệu sau kiểm toán ( do kiểm toán viên đề nghị) như sau:

### 1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2015 Công ty lập	Báo cáo kiểm toán Năm 2015	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2)-(1)
Trả trước cho người bán	132	48.455.342.031	48.320.537.023	(134.805.008)
Phải thu ngắn hạn khác	136	37.274.909.440	37.259.671.652	(15.237.788)
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	395.267.608	285.990.563	(109.277.045)
<b>Tổng tài sản</b>		<b>3.145.343.934.613</b>	<b>3.145.084.614.772</b>	<b>(259.319.841)</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	116.058.350.758	115.923.545.750	(134.805.008)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	33.784.872.299	33.675.595.254	(109.277.045)
Phải trả ngắn hạn khác	319	20.802.843.489	20.787.605.701	(15.237.788)
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>3.145.343.934.613</b>	<b>3.145.084.614.772</b>	<b>(259.319.841)</b>



a) Chênh lệch khoản Trả trước cho người bán và Phải trả người bán ngắn hạn (Mã số: 132 và 311): do cùng một nhà cung cấp nhưng Công ty mở 2 mã đối tượng nên vừa ghi nhận phải trả và trả trước cho người bán, Công ty kiểm toán cần trừ công nợ.

b) Chênh lệch khoản Phải thu ngắn hạn khác và phải trả ngắn hạn khác (Mã số: 136 và 319): do Công ty làm theo phương pháp cộng dồn theo từng xí nghiệp, Công ty kiểm toán cần trừ các khoản phải thu và phải trả khác của cùng một đối tượng (theo toàn Công ty).

c) Chênh lệch khoản Thuế và các khoản thu Nhà nước - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số: 153 và 313): do Công ty làm theo phương pháp cộng dồn theo từng xí nghiệp, Công ty kiểm toán cần trừ các khoản phải thu và phải trả của cùng một loại hình thuế (theo toàn Công ty).

## 2 LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ĐVT: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Số liệu năm 2015 Công ty lập	Báo cáo kiểm toán Năm 2015	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2)-(1)
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>371.488.622.429</b>	<b>371.488.622.429</b>	-
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				-
- Khấu hao TSCĐ	02	183.208.490.838	183.208.490.838	-
- Các khoản dự phòng	03	222.831.918	222.831.918	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	603.091.018	603.091.018	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(31.043.589.496)	(31.043.589.496)	-
- Chi phí lãi vay	06	67.229.006.276	67.229.006.276	-
- Các khoản điều chỉnh khác	7	-	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>591.708.452.983</b>	<b>591.708.452.983</b>	-
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(20.723.580.714)	(20.464.260.873)	(259.319.841)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	197.996.607.064	197.996.607.064	-
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(153.362.429.991)	(154.406.277.407)	1.043.847.416
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(3.454.363.222)	(3.454.363.222)	-
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(58.765.882.522)	(58.765.882.522)	-



- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(75.186.410.808)	(75.186.410.808)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	19.078.958.187	18.985.776.369	93.181.818
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(23.739.574.630)	(23.739.574.630)	-
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>473.551.776.347</b>	<b>472.674.066.954</b>	<b>877.709.393</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(143.266.856.347)	(143.266.856.347)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	135.720.555.419	135.813.737.237	(93.181.818)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.920.000.000	18.920.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (số dư được kết chuyển từ tài khoản 222)	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi đầu tư chứng khoán	27	11.964.631.309	11.964.631.309	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>23.338.330.381</b>	<b>23.431.512.199</b>	<b>(93.181.818)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.642.062.842.132	1.642.062.842.132	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.769.896.181.018)	(1.769.896.181.018)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(6.338.515.057)	(6.338.515.057)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(279.278.026.500)	(278.493.498.925)	(784.527.575)



Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(413.449.880.443)	(412.665.352.868)	(784.527.575)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	83.440.226.285	83.440.226.285	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.414.068.300	40.414.068.300	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(102.795.844)	(102.795.844)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	123.751.498.741	123.751.498.741	-

- Chênh lệch Tăng giảm các khoản phải thu ( Mã số 09): do điều chỉnh số liệu trên bảng cân đối kế toán (Các khoản trả trước cho người bán, phải trả người bán, phải thu ngắn hạn khác, phải trả ngắn hạn khác, thuế và các khoản phải thu Nhà nước, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước).

- Chênh lệch tăng giảm các khoản phải trả ( Mã số 11): do điều chỉnh số liệu trên bảng cân đối kế toán (Các khoản trả trước cho người bán, phải trả người bán, phải thu ngắn hạn khác, phải trả ngắn hạn khác, thuế và các khoản phải thu Nhà nước, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước) và chênh lệch cổ tức đã trả cho chủ sở hữu

- Chênh lệch Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (Mã số 16) và Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (Mã số 22): do Công ty chưa tách phần tiền thu được từ thanh lý TSCĐ.

- Chênh lệch Khoản cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (Mã số 36): do Công ty tính số trích (phải trả) cổ tức trả cho các cổ đông, Công ty kiểm toán tính số đã chi trả thực cho các cổ đông.

- Trên đây là những giải trình của Công ty về sự chênh lệch số liệu báo cáo tài chính trước và sau báo cáo kiểm toán.

- Công ty xin trân trọng báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán và Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM cũng như toàn thể Quý cổ đông của Công ty.



**CÔNG TY KIỂM TOÁN AASCS**

**Phó Tổng Giám Đốc**

**Đương Thị Quỳnh Hoa**

**Kiểm toán Viên**

**Lê Kim Ngọc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Phạm Hồng Phú**